



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 09

Ngày 20 tháng 07 năm 2018

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20 - 6 - 2018	Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND Ban hành Quy định đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	2
21 - 6 - 2018	Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND Về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	16
29 - 6 - 2018	Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND Bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý đoàn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	23
06 - 7 - 2018	Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	24
19 - 7 - 2018	Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND Ban hành Quy định tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	30

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2018/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 79/TTr-SXD ngày 19/4/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao UBND thành phố Buôn Ma Thuột quản lý, giám sát tổ chức thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch HĐND, UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Chủ tịch HĐND, UBND các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải
trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND
Ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột do Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk thực hiện, quản lý và vận hành.

2. Quy định về chính sách hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, phạm vi điều chỉnh áp dụng cho vùng phục vụ thuộc dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đấu nối hộ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột do Công ty TNHH Một thành viên Đô thị và Môi trường Đắk Lắk làm chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Đơn vị thoát nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động liên quan đến xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước thải trong khu vực đã được đầu tư và vận hành mạng lưới thu gom nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Quy định áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, điều hành, thực hiện việc đấu nối, hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Chương II

QUY ĐỊNH ĐẤU NỐI

Điều 3. Quy định về điểm đấu nối và tuyến thoát nước bên trong điểm đấu nối

1. Điểm đấu nối được xác định tại hộp nối thoát nước thải đã được đầu tư lắp đặt (gọi tắt là: Hộp nối), là điểm xả nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức vào hệ thống đường ống thu gom của thành phố đã được đầu tư lắp đặt.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong nhà ở, công trình đến vị trí đặt hộp nối, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, bảo vệ môi trường và hai điều kiện sau.

a) Không được lắp đặt và đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào chung với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong nhà ở, công trình.

b) Đường kính ống thoát nước từ các điểm xả đến hộp nối tối thiểu là 90mm, ống sử dụng vật liệu uPVC, HDPE, gang và độ dốc phải phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn.

Điều 4. Yêu cầu về cao độ tại điểm đấu nối

1. Cao độ của điểm đấu nối tại hộp nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các Hộ thoát nước. Trường hợp thời điểm xây dựng công trình đã có điểm đấu nối lắp đặt cố định, chủ đầu tư xây dựng công trình phải tuân thủ cao độ nền đã được cung cấp nhằm đảm bảo độ dốc, tránh nước thải từ đường ống chính chảy ngược vào nhà ở, công trình.

2. Trường hợp do hiện trạng công trình hoặc địa hình có cao độ điểm xả nước thải bên trong nhà, công trình thấp hơn hộp nối. Quá trình lắp đặt đường ống thoát nước thải, đơn vị thoát nước hướng dẫn hộ thoát nước thực hiện các giải pháp kỹ thuật để xử lý, đảm bảo nước thải đấu nối tại hộp nối.

Điều 5. Quy định về hộp nối thoát nước thải

1. Hộp nối được bố trí tại điểm đấu nối, nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối, đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải.

2. Hộp nối được xây dựng trên phần đất công sát ranh giới giữa phần đất công với đất thuộc quyền sử dụng của các Hộ thoát nước. Đơn vị thoát nước thực hiện thiết kế, thi công xây dựng, sửa chữa và quản lý hộp nối.

Điều 6. Đối tượng và trình tự đấu nối nước thải vào tuyến ống thu gom

1. Hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống thu gom nước thải là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước thải, trừ những trường hợp được miễn trừ đấu nối tại Điều 7, Quy định này.

2. Đối với nhà ở, công trình xây dựng mới, hồ sơ thiết kế công trình đảm bảo hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt đi riêng theo Khoản 2, Điều 3, Quy định này. Trước khi lắp đặt hệ thống thoát nước thải, chủ đầu tư liên hệ đơn vị thoát nước để được hướng dẫn thực hiện lắp đặt hệ thống đấu nối nước thải theo tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật.

3. Trình tự thực hiện đấu nối nước thải từ hộ thoát nước vào tuyến ống thu gom được thực hiện như sau:

a) Hộ thoát nước đăng ký đấu nối tại đơn vị thoát nước (Mẫu 01-2018).

b) Đơn vị thoát nước và hộ thoát nước nhận ký thỏa thuận đấu nối (Mẫu 03-2018).

c) Thực hiện đấu nối, nghiệm thu thi công đấu nối (Mẫu 02-2018).

Điều 7. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối

1. Gần nguồn tiếp nhận có chất lượng nước thải sau khi xử lý tại cơ sở bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

2. Vị trí của hệ thoát nước chưa có tuyến ống thu gom nước thải thuộc hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của thành phố hoặc hệ thống xử lý nước thải phi tập trung. Hệ thoát nước phải đầu tư, xây dựng để xử lý nước thải phát sinh trong công trình, nhà ở do mình quản lý theo các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 8. Chất lượng, khối lượng nước xả thải vào điểm đấu nối

1. Nước thải sinh hoạt từ các hệ thoát nước được phép xả trực tiếp vào hệ thống thoát nước đô thị tại hộp nối theo các yêu cầu và hướng dẫn của đơn vị thoát nước theo Khoản 3, Điều 6, Quy định này.

2. Hệ thoát nước là các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến, cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh dịch vụ (như nhà hàng, khách sạn...) khi đăng ký đấu nối ngoài các hồ sơ theo quy định phải kèm theo các văn bản, tài liệu liên quan đến kết quả giám sát môi trường gần nhất của cơ sở được thực hiện theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, chứng minh chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ trong công trình đạt yêu cầu được phép xả vào hệ thống thoát nước thải, phù hợp với chỉ tiêu đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

3. Xác định khối lượng nước thải:

a) Đối với nước thải sinh hoạt:

- Trường hợp hệ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước, được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP;

- Trường hợp các hệ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định căn cứ số nhân khẩu (người) có trong Hệ thoát nước với mức bình quân chung là 04 m³/người/tháng theo mức thu khoán nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư chưa lắp đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ quy định tại Quyết định ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với các loại nước thải khác thực hiện theo Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương III

HỖ TRỢ ĐẤU NỐI

Điều 9. Thời gian thực hiện kế hoạch hỗ trợ đấu nối

1. Thời gian thực hiện kế hoạch hỗ trợ đầu nổi hộ thoát nước cho toàn dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nổi hộ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, không quá 24 tháng kể từ ngày Đơn vị thoát nước thông báo thực hiện kế hoạch đầu nổi.

2. Các trường hợp khi thực hiện đầu nổi nước thải trong vùng dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nổi hộ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột ngoài thời điểm được Đơn vị thoát nước thông báo kết thúc kế hoạch hỗ trợ đầu nổi nêu tại Khoản 1, Điều 12, Quy định này thì không thực hiện chính sách hỗ trợ đầu nổi theo Điều 10, Quy định này khi thực hiện đầu nổi.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đầu nổi

1. Đối tượng được hỗ trợ đầu nổi:

a) Đối tượng 1: Là những cá nhân, hộ gia đình có nhà ở, công trình thuộc phạm vi dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nổi hộ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, được đơn vị thoát nước thông báo, chấp hành và thực hiện đầu nổi trong thời gian kế hoạch đầu nổi theo Khoản 1, Điều 9, Quy định này;

b) Đối tượng 2: Gồm các đối tượng chính sách, bao gồm: Người hoạt động cách mạng lão thành, tiên khởi nghĩa; Liệt sỹ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng;

c) Đối tượng 3: Là những hộ thoát nước thuộc diện hộ gia đình nghèo có sổ chứng nhận hộ nghèo tại thời điểm thực hiện đầu nổi.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đầu nổi là 1.200.000 đồng/01 hệ thống đầu nổi cho đối tượng 1 nêu tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

b) Đối tượng 2 và 3 nêu tại Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều này được hỗ trợ bổ sung 1.000.000 đồng/01 hệ thống đầu nổi, ngoài mức hỗ trợ nêu tại Điểm a, Khoản 2, Điều này;

Điều 11. Phương thức và nguồn vốn hỗ trợ đầu nổi

1. Hỗ trợ một phần chi phí để hộ gia đình, cá nhân thực hiện đầu nổi thuộc các đối tượng theo Khoản 1, Điều 10, Quy định này.

2. Phương thức hỗ trợ: Thanh toán một lần bằng tiền mặt cho các đối tượng được hỗ trợ sau khi việc đầu nổi đã được nghiệm thu xác nhận hoàn thành.

3. Nguồn vốn hỗ trợ đầu nổi sử dụng từ hạng mục, thành phần công việc trong tổng mức đầu tư thuộc dự án Mở rộng hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nổi hộ gia đình trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được UBND tỉnh (cơ quan Quyết định đầu tư) phê duyệt theo các quy định về đầu tư và xây dựng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Đơn vị thoát nước

1. Thông báo thời gian thực hiện kế hoạch hỗ trợ đấu nối theo Khoản 1, Điều 9, Quy định này và thông báo thời điểm kết thúc kế hoạch hỗ trợ sau khi thống nhất bằng văn bản của UBND thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Xây dựng kế hoạch, quy trình và tổ chức thực hiện trình tự đấu nối nước thải từ hộ thoát nước vào tuyến ống thu gom theo Khoản 3, Điều 6, Quy định này.

3. Tổ chức hỗ trợ giám sát kỹ thuật khi hộ thoát nước thực hiện lắp đặt đường ống thoát nước thải; thực hiện nghiệm thu và thủ tục thanh quyết toán chi phí hỗ trợ đấu nối (nếu có) theo quy định.

4. Chủ trì phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan và chính quyền địa phương thông tin tuyên truyền, hướng dẫn cho hộ thoát nước thuộc vùng dự án các quy định, yêu cầu kỹ thuật về đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải thành phố.

5. Thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đấu nối theo quy định. Tổ chức vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thoát nước tính từ bên ngoài phạm vi của hộ thoát nước.

6. Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại đến công trình, hoạt động đấu nối và xử lý nước thải;

7. Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến hoạt động đấu nối, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo thẩm quyền.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng (2 lần/năm) về hoạt động quản lý, vận hành và đấu nối nước thải cho UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Sở Xây dựng để tổng hợp.

Điều 13. Trách nhiệm của hộ thoát nước sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Thực hiện trình tự đấu nối theo hướng dẫn của đơn vị thoát nước, gồm:

a) Gửi Phiếu đăng ký đấu nối (do Đơn vị thoát nước cung cấp); cung cấp thông tin, sơ đồ thoát nước thải, đủ điều kiện ký thỏa thuận đấu nối;

b) Thực hiện lắp đặt đường ống thoát nước thải theo hướng dẫn và hỗ trợ giám sát kỹ thuật của Đơn vị thoát nước;

c) Không sử dụng các công trình tiếp nhận nước thải có ảnh hưởng đến môi trường đất, nước ngầm (như bể tự hoại, hố thấm...) trong nhà ở, công trình khi đấu nối nước thải đưa vào hoạt động.

2. Vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường ống thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở ra đến hộp nối.

3. Phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống thoát nước từ trong nhà ra hộp nối. Thực hiện hoàn trả mặt bằng, khôi phục vỉa hè, vệ sinh môi trường do việc thi công hệ thống đấu nối do mình thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của các sở

1. Sở Xây dựng:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đô thị.

b) Chỉ đạo thanh tra chuyên ngành xây dựng thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thoát nước đô thị, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý thoát nước và xử lý nước thải đô thị.

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước đô thị.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đối với công trình thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

b) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước xả thải vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND thành phố Buôn Ma Thuột

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường thuộc vùng dự án phối hợp với đơn vị thoát nước phổ biến quy định, kế hoạch đấu nối nước thải đến trực tiếp các khu vực, các tổ dân phố và hộ gia đình, cá nhân.

2. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Đơn vị thoát nước tổ chức các chương trình hội thảo truyền thông, giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và sự đồng thuận cộng đồng trong hoạt động đấu nối nước thải để bảo vệ môi trường.

3. Cấp giấy phép đào vỉa hè, đào đường đối với những tuyến đường được phân cấp quản lý trên địa bàn. Kiểm tra, hướng dẫn Đơn vị thoát nước, hộ thoát nước thực hiện đấu nối đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và hoàn trả mặt bằng theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND các phường

1. Phối hợp với Đơn vị thoát nước, các phòng ban chức năng của UBND thành phố Buôn Ma Thuột, tuyên truyền, vận động cộng đồng dân cư trên địa bàn quản lý về các quy định thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho UBND thành phố khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

2. Thực hiện quản lý môi trường trên địa bàn theo quy định.

Điều 17. Các nội dung khác

Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động đấu nối và hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột không nêu tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh, Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẤU NỔI HỆ THỐNG NƯỚC THẢI TP BMT

(Số TT:..... Số HD:.....Số TL:.....Ngày:../...../.....Phường.....)

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Thoát nước Buôn Ma Thuột

Họ và tên:..... Sinh năm.....

Giấy CMND số:.....Cấp ngày: ../...../... Nơi cấp:.....

Số điện thoại liên hệ:

Địa chỉ đăng ký đấu nổi vào hệ thống nước thải:

Số nhà:.....Đường.....; Khối:.....Phường:.....;

Hiện trạng sử dụng (thời điểm đăng ký) (*nhà ở, cho thuê ở, văn phòng, cửa hàng, nhà hàng ăn uống, khách sạn, kinh doanh, dịch vụ sửa chữa, sản xuất...*).

Đối tượng chính sách :

Đối tượng hộ nghèo :

Mô tả thêm hiện trạng địa điểm đấu nổi (nếu có):.....

.....

Tôi xin đăng ký đấu nổi vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố, với phương thức sau:

- Trực tiếp thi công
- Thuê nhà thầu thi công

Tôi xin cam kết:

- Tạo điều kiện để dự án và đơn vị thi công hoàn thành công việc.
- Thực hiện đầy đủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong công tác đấu nổi nước thải.
- Chi trả kinh phí đấu nổi và hoàn thành các thủ tục theo đúng quy định.
- Chấp hành mọi quy định về thoát nước thải của cơ quan chức năng và quy định Nhà nước về quản lý và đấu nổi nước thải.

Ý kiến của cán bộ khảo sát

Buôn Ma Thuột, ngày.....tháng.....năm 20...

.....

Người đề nghị

.....

(ký, ghi rõ họ, tên)

.....

.....

Đính kèm:

- Giấy chứng nhận chứng nhận đối tượng chính sách hoặc đối tượng hộ nghèo (Bản sao)

- Bản mô tả sơ đồ mặt bằng hệ thống thoát nước thải theo địa chỉ của Phiếu đăng ký này.

(01 Phiếu đăng ký đầu nối chỉ sử dụng cho 01 địa chỉ đăng ký)

CTy TNHH MTV ĐT&MT ĐẮK LẮK
BAN QLDA THOÁT NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THI CÔNG ĐẤU NỔI

Hộ thoát nước:

Địa chỉ:

Mã số khách hàng:						
-------------------	--	--	--	--	--	--

Số hợp đồng:

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đơn vị thoát nước:

- Ông/bà:..... Chức vụ:

- Ông/bà:..... Chức vụ :

- Ông/bà:..... Chức vụ :

b) Hộ thoát nước:

- Tên người đại diện:

- Chức vụ/(Quan hệ chủ sở hữu):..... Điện thoại:

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu:giờ.....phút, ngày tháng ... năm.....

Kết thúc:.....giờ.....phút, ngày tháng ... năm.....

Địa chỉ đấu nổi:.....

3. Khối lượng công việc thực hiện nghiệm thu:

Stt	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				

4. Đánh giá công tác thi công đấu nổi:

a) Hồ sơ để làm căn cứ nghiệm thu:

- b) Chất lượng công tác đấu nối:.....
- c) Công tác hoàn trả vỉa hè, nền đường (nếu có):
- d) Các ý kiến khác:
- 5. Kết luận:**.....

ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC

(Ký, đóng dấu)

HỘ THOÁT NƯỚC

(ký, ghi rõ họ tên)

CTy TNHH MTV ĐT&MT ĐẮK LẮK **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
BAN QLDA THOÁT NƯỚC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC THẢI

Số...../.....

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Quyết định số...../20..../QĐ-UBND ngày...../...../ 20... của UBND tỉnh Đắk Lắk, ban hành Quy định đầu nối và hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Phiếu đăng ký đầu nối nước thải của Đại diện Chủ sở hữu công trình thoát nước, ngày...../...../.....; Theo hồ sơ thiết kế đầu nối hệ thống thoát nước do đại diện hộ thoát nước lập;

Hôm nay, ngày.../.../....., tại, chúng tôi gồm:

1. Đại diện đơn vị thoát nước: (CTy TNHH MTV Đô thị & MT Đắk Lắk)

- Tên người đại diện:

- Chức vụ:

2. Đại diện hộ thoát nước:

- Tên người đại diện:

- Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

3. Nội dung thỏa thuận:

Các bên thống nhất triển khai đầu nối thoát nước với các nội dung cơ bản sau:

- Vị trí, cao độ, kích thước hộp đầu nối:

.....

- Chiều dài, đường kính, vật liệu ống đầu nối thoát nước thải:

.....

- Khối lượng nước thải (dự kiến):

- Thời gian thi công - Thời gian hoàn thành:

Từ ngàytháng năm 20.....; đến ngày..... tháng năm 20.....

- Một số đề nghị đối với hộ thoát nước:

3.1. Thực hiện đấu nối phần bên trong nhà theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật được hướng dẫn.

3.2. Tuân thủ quy định của đơn vị thoát nước về thoát nước thải sinh hoạt, không xả vào đường ống những chất sau:

- Nước mưa phát sinh trong công trình do hệ thoát nước quản lý.
- Dầu máy, xăng dầu những sản phẩm từ dầu hỏa; chất thải từ xi mạ, hóa chất (Cadmium, Chromiun...).
- Sản phẩm của sơn (Sơn dầu và sơn nước); Các loại thuốc trừ sâu, phân bón.
- Các loại chất thải rắn (Nylon, giẻ rách, đinh ghim, giấy...); Dầu mỡ dùng trong nấu nướng thức ăn (Trong nhà hàng, quán ăn...).

3.3. Bảo đảm thời gian thi công và hoàn thành công trình theo đúng tiến độ quy định.

3.4. Hoàn trả vỉa hè theo đúng quy định.

4. Kết luận:

- Các bên thống nhất các nội dung trên và ký tên dưới đây.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc các bên chủ động bàn bạc thống nhất phương án xử lý.

Thỏa thuận được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐƠN VỊ THOÁT NƯỚC
(ký, ghi rõ họ và tên)

HỆ THOÁT NƯỚC
(ký, ghi rõ họ và tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 13/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với
công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 30/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13/2018/QĐ-UBND
ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác được xây dựng và đưa vào khai thác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các nội dung khác không có trong Quy định này thì thực hiện theo Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này khi bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình thủy lợi* là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, công, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. *Đê bao* là đê bảo vệ cho một khu vực riêng biệt, làm nhiệm vụ ngăn nước, bảo vệ sản xuất, dân sinh kinh tế và môi trường khu vực đó, bao gồm:

a) *Đê bao liên huyện* là đê bảo vệ cho khu vực liên quan từ hai huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là huyện) trở lên;

b) *Đê bao liên xã* là đê bảo vệ cho khu vực liên quan từ hai xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) trở lên trong một huyện;

c) *Đê bao độc lập* là đê bảo vệ cho khu vực trong phạm vi một xã.

3. *Đập dâng* là vật kiến trúc chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

4. *Tràn xả lũ* là công trình tháo xả lũ nhằm đảm bảo cho hồ chứa được an toàn.

5. *Kênh chìm* là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

6. *Kênh nổi* là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

7. *Kênh nội đồng* là công trình kênh, mương, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

Điều 5. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh

1. Trạm bơm

Trạm bơm phải có hàng rào bảo vệ. Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ trở ra là 3 m (trường hợp nền hàng rào là đất đắp thì tính từ chân mái đắp trở ra 3 m).

Trường hợp công trình trạm bơm đã xây dựng chưa có hàng rào bảo vệ thì đơn vị trực tiếp quản lý khai thác trạm bơm phải xây dựng hàng rào bảo vệ trong ranh giới được giao đất. Phạm vi vùng phụ cận tính như quy định trên của Khoản này.

2. Đê bao

Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái đê bao trở ra về phía sông và phía đồng, cụ thể như sau:

- Ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân đê trở ra 5 m đối với: Đê bao liên huyện; Đê bao liên xã và Đê bao độc lập.

- Đối với các vị trí khác:

+ Đê bao liên huyện: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 7 m;

+ Đê bao liên xã: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 6 m;

+ Đê bao độc lập: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 5 m.

3. Đập dâng

- Phần thuộc lòng sông, suối: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra, tối thiểu là 30 m.

- Phần trên cạn của hai vai đập dâng: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra, tối thiểu là 20 m.

4. Tràn xả lũ

- Trường hợp Tràn xả lũ nằm trong phạm vi thân đập: Phạm vi vùng phụ cận thuộc vùng phụ cận của đập và hồ chứa được quy định trong Luật Thủy lợi.

- Trường hợp Tràn xả lũ nằm ngoài phạm vi thân đập: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra mỗi phía tối thiểu là 20 m.

5. Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) và công trình trên kênh:

a) Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) nổi:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2 \text{ m}^3/\text{s}$: Phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra, tối thiểu là 1 m;

- Kênh nội đồng: Phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra, tối thiểu là 0,5 m.

b) Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) chìm:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2 \text{ m}^3/\text{s}$: Phạm vi bảo vệ tính từ giao tuyến mái kênh với mặt đất tự nhiên trở ra, tối thiểu là 1 m;

- Các đoạn kênh đi qua khu đông dân cư có nhà ở liền kề ven kênh, phạm vi bảo vệ từ mép ngoài bờ kênh trở ra, tối thiểu là 2 m;

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận bảo vệ công trình theo quy mô kênh tương ứng.

c) Công trình trên kênh: Phạm vi bảo vệ từ phần xây dựng hoặc gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía giống theo quy định của tuyến kênh tương ứng đã nêu ở trên.

d) Đường ống dẫn nước: Phạm vi bảo vệ tính từ mép ngoài đường ống trở ra giống theo quy định của tuyến kênh tương ứng đã nêu ở trên.

Điều 6. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Đối với các công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác trước khi Quy định này có hiệu lực và chưa cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ thì tổ chức, cá nhân khai thác công trình có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Kinh phí cấm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác.

2. Đối với các công trình thủy lợi triển khai xây dựng sau khi Quy định này có hiệu lực, Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ theo quy định này và bàn giao cho tổ chức, cá nhân được giao khai thác công

trình. Kinh phí cắm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

3. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thủy lợi, các địa phương, đơn vị, tổ chức trực tiếp khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo đúng quy định, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; công tác giải tỏa vi phạm, hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành đối với trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đang được quản lý, khai thác.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của Pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm Pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra tái vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi theo thiết kế.

2. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị được giao quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 11. Sửa đổi Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 14/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về
ban hành quy chế quản lý đoàn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-TTg ngày 16/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 12/TTr-SNgV ngày 22/6/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy chế quản lý đoàn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2018/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 06 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện
các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 218/TTr-SKHĐT ngày 21/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2018./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng được áp dụng bao gồm: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động khác để thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc sử dụng nguồn vốn huy động khác để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đúng mục đích và hướng tới thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có). Nguồn vốn huy động cho công trình nào phải đầu tư trực tiếp cho công trình đó.

2. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn vốn huy động khác; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cộng đồng, đánh giá kết quả thực hiện.

3. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng huy động từ cộng đồng hưởng lợi.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư hưởng lợi; các khoản đóng góp tự nguyện của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước.

3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 4. Đối tượng huy động

1. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp hưởng lợi.

2. Tổ chức, cá nhân gián tiếp hưởng lợi.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước và các nhà tài trợ.

Điều 5. Cơ chế huy động

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đề động viên, khuyến khích người dân, cộng đồng dân cư hưởng lợi, cộng đồng doanh nghiệp tự nguyện tham gia đóng góp thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước tham gia đóng góp thực hiện các dự án, công trình thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Việc huy động phải được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, không được ép buộc, phân bổ chỉ tiêu cho các đối tượng thụ hưởng.

3. Việc huy động nguồn lực được đa dạng hoá như: Tiền (tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ); ngày công lao động, tài sản, vật kiến trúc, đất đai, vật liệu xây dựng... được quy đổi ra bằng tiền và phải được quản lý, thanh toán tập trung, thống nhất qua Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

4. UBND các huyện, thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột (gọi chung là UBND cấp huyện), UBND các xã, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) tùy theo từng nội dung, dự án, công trình để vận động người dân tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương bằng các hình thức phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn của từng địa phương, trên cơ sở phát huy dân chủ, để người dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp và phải được công bố công khai. UBND cấp xã tổng hợp mức đóng góp và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua làm căn cứ pháp lý để thực hiện.

Điều 6. Quản lý vốn huy động

Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng để đầu tư cho các dự án đầu tư do cấp xã quản lý được thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 3, Chương II của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn:

1. Trường hợp đóng góp bằng tiền:

UBND cấp xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản Tiền gửi vốn đầu tư (3713) thuộc cấp xã quản lý của ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước (nếu đóng góp bằng ngoại tệ thì ngoại tệ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Kho bạc Nhà nước công bố hàng tháng).

2. Trường hợp đóng góp bằng hiện vật:

a) Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động của người dân: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đóng góp, giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương (tại thời điểm đóng góp), UBND cấp xã xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định.

b) Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật khác (giá trị công trình cụ thể) của tổ chức, cá nhân: UBND cấp xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện chính quyền, đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 7. Công khai nguồn tài chính huy động

Sau khi có quyết toán công trình hoàn thành, Chủ tịch UBND cấp xã phải có trách nhiệm công khai tài chính theo quy định hiện hành để người dân theo dõi, giám sát. Nội dung công khai gồm:

1. Công khai kết quả huy động vốn: Đối tượng, thời gian, hình thức, mức đóng góp của các đối tượng.

2. Công khai việc thu, chi, sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư xây dựng các công trình: Danh mục công trình được đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán công trình, giá trị quyết toán công trình của cấp có thẩm quyền, thường xuyên cập nhật các thông tin theo tiến độ dự án để công khai.

3. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ Sở UBND cấp xã, Nhà văn hoá thôn (buôn), khu phố và thông báo qua các buổi họp trực tiếp với cộng đồng dân cư.

4. Thời điểm, thời hạn công khai: Kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện công trình. Thời hạn công khai chậm nhất là 30 ngày làm việc, kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện công trình.

Điều 8. Tạm ứng, thanh toán vốn huy động

1. Việc tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành vốn huy động được thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10, Chương II, Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2010. Việc chi phần vốn đóng góp để đầu tư xây dựng công trình không được lớn hơn số vốn huy động được cho công trình đó.

2. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng chương trình MTQG cấp xã giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính; Công văn số 1082/KBNN-KSC ngày 23/03/2017 của Kho bạc Nhà nước về việc kiểm soát thanh toán các dự án thuộc chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 9. Chi phí quản lý dự án có sử dụng phần vốn huy động

1. Định mức chi phí quản lý dự án:

a) Đối với các dự án áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù: Thực hiện theo Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND, ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và văn bản điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

b) Đối với các dự án không áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù: Thực hiện theo Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Nội dung chi phí quản lý dự án:

Thực hiện theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và văn bản điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án:

Thực hiện theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và văn bản điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

4. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án:

Thực hiện theo Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và văn bản điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Điều 10. Quyết toán dự án có sử dụng phần vốn huy động

1. Đối với vốn đóng góp để đầu tư xây dựng công trình:

Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, Ban Quản lý xã có trách nhiệm phối hợp với Ban Tài chính xã lập bảng quyết toán vốn huy động khác tùy theo hình thức đóng góp. Bảng quyết toán phần vốn huy động khác được tổng hợp vào báo cáo quyết toán công trình hoàn thành và gửi cho Ban Tài chính xã để theo dõi, tổng hợp báo cáo.

2. Xử lý chênh lệch thu, chi:

Sau khi thanh quyết toán công trình, nếu chênh lệch thu lớn hơn chi hoặc với các khoản hiện vật đóng góp chưa được sử dụng hết, nhân dân trong thôn, xã tổ chức họp bàn và quyết định sử dụng để đầu tư xây dựng công trình mới thuộc các chương trình MTQG hoặc sử dụng cho các công trình công ích cần thiết khác của cộng đồng.

3. Quyết toán dự án hoàn thành

Thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Chương III**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Đắk Lắk và của huyện, thị xã, thành phố là cơ quan chỉ đạo kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện Quy chế này đối với các công trình, dự án xây dựng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 tại cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở chủ trì chương trình MTQG, dự án thành phần thuộc chương trình MTQG, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy chế này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 17/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 103/TTr-SXD ngày 30/5/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị trực tiếp quản lý nhà ở xã hội; các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư xây

dựng nhà ở xã hội và các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà
ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND
Ngày 19 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể về tiêu chí ưu tiên và thang điểm của tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo Điểm 4, Khoản 2 và Khoản 3, Điều 23, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2015/NĐ-CP) và Điểm 4, Khoản 2, Điều 16, Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BXD).

2. Việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

3. Những vấn đề không được quy định trong Quy định này sẽ được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực đầu tư phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các đối tượng thuộc diện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 49 và Điều 51 của Luật Nhà ở.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ ƯU TIÊN LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MUA, THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 3. Nguyên tắc lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Việc xét duyệt hồ sơ bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

2. Đối với từng dự án cụ thể, việc lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được căn cứ vào chủ trương chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt.

3. Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua hợp lệ bằng hoặc ít hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức thỏa thuận giữa chủ đầu tư và khách hàng.

4. Trường hợp tổng số hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua hợp lệ nhiều hơn tổng số căn hộ do chủ đầu tư công bố thì việc lựa chọn căn hộ thực hiện theo hình thức chấm điểm theo tiêu chí quy định tại Điều 4, Quy định này. Sau khi thực hiện chọn mà trường hợp có số điểm bằng nhau thì tổ chức lựa chọn hình thức bốc thăm công khai.

5. Trường hợp người mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội không đạt được nhu cầu, nguyện vọng của mình tại dự án đã đăng ký thì được trả hồ sơ để đăng ký tại dự án khác, nếu không muốn lựa chọn căn hộ khác trong dự án.

Điều 4. Tiêu chí ưu tiên để lựa chọn đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Tiêu chí ưu tiên để xét duyệt quy định như sau:

STT	Tiêu chí chấm điểm	Số điểm
1	- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 (Lão thành cách mạng); người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Cán bộ tiền khởi nghĩa); thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thân nhân liệt sỹ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ khi còn nhỏ) hưởng trợ cấp tuất hằng tháng; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. - Anh hùng Lao động (không thuộc đối tượng quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công).	10
2	- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; bệnh binh suy giảm khả năng lao động dưới 81%; người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động dưới 81%. - Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đang hưởng trợ cấp hàng tháng. - Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	9,0
3	Giáo sư; Nhà giáo nhân dân; Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sỹ nhân	8,0

STT	Tiêu chí chấm điểm	Số điểm
	dân; Nghệ nhân nhân dân; Phó Giáo sư; Tiến sỹ; Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sỹ ưu tú; Nghệ nhân ưu tú; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Người được khen thưởng Huân chương Nhà nước; người có tay nghề bậc cao nhất của ngành nghề được cơ quan có thẩm quyền công nhận; Chuyên viên cao cấp hoặc giữ chức vụ chủ chốt từ Phó phòng và tương đương trở lên tại cơ quan, đơn vị đang công tác.	
4	Hộ gia đình có 02 người là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan và hạ sỹ quan, chiến sỹ trở lên và có ít nhất 01 người được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; các Bộ, ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
4.1	Có thâm niên công tác mỗi người trên 15 năm.	7,0
4.2	Có thâm niên công tác mỗi người trên 10 năm đến 15 năm.	6,5
4.3	Có thâm niên công tác mỗi người từ 5 năm đến 10 năm.	6,0
5	Đối tượng Bảo trợ xã hội, người có thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, chủ hộ có hoàn cảnh khó khăn, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Lắk từ 5 năm trở lên, chấp hành tốt quy định pháp luật.	5,0
6	Hộ gia đình có 01 người là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan và hạ sỹ quan, chiến sỹ và được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
6.1	Có thâm niên công tác trên 15 năm.	4,0
6.2	Có thâm niên công tác từ 10 năm đến 15 năm.	3,5
6.3	Có thâm niên công tác từ 5 năm đến 10 năm.	3,0

2. Trường hợp đối tượng nộp hồ sơ đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội đạt nhiều tiêu chí ưu tiên theo bảng điểm trên thì chỉ được áp dụng tính điểm 01 lần đối với tiêu chí ưu tiên có số điểm cao nhất.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối thực hiện điều tra, khảo sát, tổng hợp nhu cầu và kêu gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; thụ lý hồ sơ, báo cáo UBND tỉnh lựa chọn chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 57 Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến các dự án phát triển nhà ở xã hội và danh sách các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh

lên công thông tin điện tử của UBND tỉnh Đắk Lắk và công thông tin điện tử của Sở Xây dựng để tổ chức, hộ gia đình có nhu cầu tiếp cận.

3. Hướng dẫn các chủ đầu tư tham gia đầu tư xây dựng và bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật; tăng cường kiểm tra, quản lý nhằm loại trừ các đối tượng được hỗ trợ nhiều lần về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến việc mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định pháp luật.

5. Theo dõi, báo cáo tình hình mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất cho UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước

1. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở ngành liên quan thực hiện bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương theo kế hoạch hằng năm thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, các tổ chức tín dụng do nhà nước chỉ định để triển khai chính sách hỗ trợ cho vay ưu đãi đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định khi mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội theo quy định.

b) Hướng dẫn thực hiện ưu đãi liên quan đến chính sách tài chính, phương thức thanh toán để thực hiện chính sách phát triển và quản lý nhà ở xã hội để cho thuê, thuê mua theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Xác nhận đối tượng là Người có công với cách mạng đang quản lý theo tiêu chí ưu tiên do UBND tỉnh quy định để lập hồ sơ, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội. Kiểm soát các đối tượng người có công đã được hỗ trợ nhà ở tại các chính sách khác, tránh trường hợp trùng lặp việc hỗ trợ.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Xác nhận các nội dung theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1, Điều 22, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP theo mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

5. UBND các xã, phường, thị trấn:

Xác nhận các nội dung theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 22, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP theo mẫu số 02, 03 tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

Sao hồ sơ đăng ký và danh sách đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội gửi Sở Xây dựng đối với trường hợp nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 2 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nơi đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội đang làm việc: Xác nhận về các nội dung theo quy định tại Điểm b, c, d, Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2, Điều 22 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP theo mẫu số 03, 04, 07, 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

7. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo quy định tại Điều 20, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và các nội dung khác có liên quan theo quy định. Đồng thời, tổ chức xét duyệt chấm điểm theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này.

9. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc cần phải bổ sung, sửa đổi, các sở, ban, ngành, các địa phương và đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo gửi Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại: Công ty TNHH một thành viên In Đắk Lắk

Giá: đồng